

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy**

*Căn cứ Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026;*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 17/TTr-SKH-CN ngày 23/01/2026,*

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh và triển khai kịp thời, có hiệu quả các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP); Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (viết tắt là Kế hoạch số 07-KH/TU); các chương trình, kế hoạch, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo

của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; nhằm góp phần đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng, tạo động lực chính cho sự phát triển của tỉnh.

2. Xác định rõ các nhiệm vụ đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo năm 2026, gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, không hình thức, không dàn trải; bảo đảm tinh thần “6 rõ”<sup>1</sup>, tính khả thi, thống nhất với định hướng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các cơ quan, địa phương phải chuyển từ cách làm theo kế hoạch sang cách làm theo mục tiêu và sản phẩm; từ báo cáo tiến độ sang báo cáo hiệu quả; từ "có làm" sang "làm đến nơi đến chốn"; chủ động đề xuất nhiệm vụ của mình mà không chờ giao nhiệm vụ; chủ động kiến nghị cấp trên chỉ đạo, xem xét, cho ý kiến những vấn đề vượt thẩm quyền; chủ động phối hợp chặt chẽ trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan. Ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực cho hạ tầng, dữ liệu, nhân lực chất lượng cao. Đồng thời, tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ, bảo đảm hiệu quả trong đầu tư thực hiện.

## II. MỤC TIÊU

Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính để đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; xây dựng hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, hiện đại bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng. Phấn đấu đưa tỉnh Bắc Ninh nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII), Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) và Chỉ số năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trên mức trung bình cả nước.

**2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:** Theo Phụ lục số 1 kèm theo.

## III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục tăng cường tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện và nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW, các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xác định rõ trách nhiệm và chủ động triển khai thực hiện.

1.2. Phát huy vai trò và triển khai hiệu quả các hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06; cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo.

1.3. Thành lập Hội đồng tư vấn phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng

<sup>1</sup> Gồm: Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả.

tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

1.4. Từng bước xem xét bố trí cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.

1.5. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này.

## **2. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong hành động**

2.1. Thường xuyên tuyên truyền về nội dung chỉ đạo, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Duy trì các chuyên trang, chuyên mục, chương trình về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông của tỉnh. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên nền tảng số của cơ quan báo chí địa phương và của các ngành; tăng cường tổ chức triển lãm, trưng bày chuyên đề; biên soạn, phát hành các tài liệu tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng loại hình đối tượng. Khuyến khích các tác giả người Bắc Ninh gửi bài báo khoa học (Scopus/ISI) để đăng tải trên các sản phẩm báo chí của địa phương. Tiếp tục triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phong trào “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số”.

2.2. Phối hợp chặt chẽ với mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo cho hội viên, đoàn viên và Nhân dân.

2.3. Tổ chức các hội nghị chuyên đề của UBND tỉnh để nghiên cứu, thảo luận, thống nhất những vấn đề khó, phức tạp, mới phát sinh; trong đó, tập trung vào các chủ đề: Công nghệ chiến lược; trí tuệ nhân tạo; công nghiệp bán dẫn; dữ liệu và chuyển đổi số quốc gia.

2.4. Triển khai có hiệu quả phong trào thi đua “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”. Mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

2.5. Ban hành Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số; tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

## **3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách địa phương và huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực**

3.1. Rà soát, bổ sung, cập nhật đầy đủ không gian phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo các chương trình, kế hoạch của tỉnh đã

ban hành<sup>2</sup> trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch đô thị tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Bắc Ninh, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, thuận lợi trong thực hiện. Trong đó, sớm rà soát, bổ sung, cập nhật các không gian để phát triển công nghiệp công nghệ số theo Luật Công nghiệp công nghệ số, Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn; không gian để phát triển kinh tế tầm thấp; không gian phát triển hạ tầng viễn thông 5G, 6G, IoT phục vụ sản xuất thông minh, đô thị thông minh, trạm BTS kiên cố phục vụ phòng, chống thiên tai,...

3.2. Triển khai có hiệu quả và ban hành theo thẩm quyền các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số; khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); chính sách hợp tác công tư phát triển hạ tầng số thiết yếu; chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số... theo Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3.3. Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế - kỹ thuật và có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả.

3.4. Xây dựng danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3.5. Nghiên cứu hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm địa phương; Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở tỉnh theo quy định của pháp luật.

3.6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là đơn giản hóa thủ tục hành chính, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

#### **4. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số**

4.1. Rà soát, xây dựng Phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Bắc Ninh sau sáp nhập theo hướng dẫn của Trung ương và thực tiễn địa phương, bảo đảm đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh.

4.2. Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, đăng ký thí điểm triển khai bản sao số tại tỉnh Bắc Ninh khi đáp ứng đủ điều kiện theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.

<sup>2</sup> Gồm: Khu nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ tập trung; Viện nghiên cứu khoa học, công nghệ cao cấp vùng Thủ đô; Khu công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao, kết hợp với trung tâm nghiên cứu, sản xuất thiết bị, máy móc công nghệ cao phục vụ nông nghiệp; Khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ I (khu đô thị đại học 1) và Khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ II (khu đô thị đại học 2); hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, các ngành, lĩnh vực trọng điểm...

4.3. Tập trung phát triển hạ tầng số, trọng tâm là hạ tầng viễn thông 5G, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng vật lý số, hạ tầng IoT, hạ tầng tiện ích số theo kế hoạch, chiến lược đã ban hành<sup>3</sup>. Đặc biệt quan tâm tạo lập cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyên đổi số toàn diện. Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, đô thị,...), bảo đảm tính kết nối, liên thông. Thúc đẩy chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn. Mở rộng phủ sóng băng thông rộng 5G; nâng cấp đường truyền cho các cơ quan trong hệ thống chính trị. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm dữ liệu.

4.4. Đẩy mạnh ứng dụng, triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống của người dân. Triển khai có hiệu quả Đề án “Ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tạo bước phát triển đột phá về công nghệ, góp phần phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Ninh”.

4.5. Đẩy nhanh giải phóng mặt bằng triển khai dự án Khu công nghệ thông tin tập trung và Trung tâm tính toán hiệu năng cao. Triển khai thu hút đầu tư khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ I, II (khu đô thị đại học I, II); không gian đổi mới sáng tạo theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4.6. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược trên địa bàn tỉnh.

## **5. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo**

5.1. Nghiên cứu hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, không gian đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp theo kế hoạch, quy hoạch, lộ trình đã được phê duyệt, phù hợp với thực tiễn địa phương. Phát huy vai trò đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để trở thành các đầu mối hỗ trợ, hạt nhân thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại địa phương.

5.2. Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo. Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển đổi mới sáng tạo và thúc đẩy sự liên kết giữa người dân, doanh nghiệp với nhà khoa học để đổi mới sáng tạo trở thành

<sup>3</sup> Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về triển khai hạ tầng mạng 5G và IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030; Quyết định 1777/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh về Chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hạ tầng số tỉnh Bắc Ninh;...

một phong trào xã hội rộng, mang tính toàn dân; đồng thời, thúc đẩy, lan tỏa văn hóa tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, chấp nhận rủi ro một cách có kiểm soát, khuyến khích thử nghiệm cái mới; khuyến khích mọi người dám suy nghĩ khác biệt và tôn trọng sự khác biệt, dám mạo hiểm và chấp nhận thất bại.

5.3. Duy trì tổ chức ngày hội khởi nghiệp mới sáng tạo (Techfest), cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo. Tổ chức, phối hợp tổ chức hoặc tham gia chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ (Techdemo). Nâng cấp sàn giao dịch thông tin công nghệ; sàn giao dịch ý tưởng và sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo trực tiếp và trên mạng Internet.

5.4. Tăng cường kết nối các cá nhân có ý tưởng sáng tạo, tài sản trí tuệ được bảo hộ với nhà đầu tư và quỹ hỗ trợ để ươm tạo thành sản phẩm, dịch vụ cụ thể; tôn vinh các điển hình đổi mới sáng tạo, có những đóng góp thay đổi tư duy, phương thức quản lý, sản xuất, kinh doanh.

5.5. Thúc đẩy sự phối hợp giữa các chủ thể trong hoạt động đổi mới sáng tạo thông qua các chính sách như đặt hàng nhiệm vụ có tính liên kết viện, trường, doanh nghiệp, cơ chế đồng tài trợ từ quỹ nhà nước và tư nhân, trung tâm đổi mới sáng tạo làm đầu mối kết nối, chính sách chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu.

5.6. Tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài tỉnh.

5.7. Triển khai có hiệu quả Cổng sáng kiến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng hệ thống kết nối, tiếp nhận và xử lý sáng kiến minh bạch, thông minh, bảo đảm bảo mật và quyền sở hữu trí tuệ. Ứng dụng AI, dữ liệu lớn và phân tích thông minh trong đánh giá, phân loại và gợi ý sáng kiến có tiềm năng thương mại hóa cao. Nghiên cứu hình thành hệ sinh thái sáng kiến mở, thúc đẩy kết nối giữa nhà khoa học, doanh nghiệp, cơ quan quản lý và toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia trong giai đoạn mới.

5.8. Thúc đẩy hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp, nhà khoa học, cơ sở nghiên cứu trong hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu suất, cải tiến công nghệ, phát triển công nghệ. Nghiên cứu cơ chế đặt hàng nghiên cứu, phát triển công nghệ gắn với doanh nghiệp, trong đó Nhà nước hỗ trợ, tài trợ một phần kinh phí. Khuyến khích thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của cơ sở nghiên cứu vào trong doanh nghiệp. Thu hút đầu tư tư nhân cho khởi nghiệp sáng tạo. Tạo môi trường thuận lợi để khu vực tư nhân trở thành động lực chủ yếu của đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo.

5.9. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ; cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia. Hỗ trợ triển khai rộng rãi các công cụ và phương pháp quản lý, khai thác giá trị tài sản trí tuệ. Phát triển hệ thống các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ tìm kiếm, đánh giá, định giá, môi giới, thử nghiệm, chuyển giao công

nghe. Kết nối các sàn giao dịch công nghệ với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiên bộ khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh tạo thành mạng lưới để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Phát huy vai trò của các hiệp hội, hội doanh nghiệp trong tư vấn cho các doanh nghiệp về công nghệ. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa có tiềm năng trở thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

5.10. Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

## **6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

6.1. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 06-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch 170/KH-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

6.2. Xây dựng Đề án phát triển các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; thu hút đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục đại học và trung tâm đào tạo chuyên sâu về công nghệ chiến lược trên địa bàn. Rà soát, ban hành Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đến năm 2030. Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân tài khoa học, công nghệ, công nghiệp công nghệ số, thu hút chuyên gia toàn cầu và người Việt Nam ở nước ngoài.

6.3. Tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông, đặc biệt thông qua hình thức đào tạo STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) và STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học) và đào tạo kỹ năng số ở mọi cấp học. Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn.

6.4. Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số... tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm. Phát triển giáo dục ngành STEM/STEAM, tổ chức các cuộc thi STEM trong các nhà trường từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông. Đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là

trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, học tập. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục số theo quy định, phân cấp.

6.5. Xây dựng các chương trình khuyến khích sinh viên thực hiện đề tài khoa học, khởi nghiệp trong môi trường giáo dục, đào tạo nghề; định hướng nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh phổ thông đối với các ngành khoa học, kỹ thuật để chuẩn bị trước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6.6. Nghiên cứu xây dựng chương trình tuyển chọn, gửi đi đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm ở nước ngoài. Thúc đẩy thu hút và dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên cơ sở khuyến khích chuyển dịch nhân lực hai chiều giữa khu vực công và tư. Khai thác có hiệu quả đội ngũ, mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học người Bắc Ninh ở trong và ngoài tỉnh tham gia đóng góp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Tạo thuận lợi cho các giảng viên, cán bộ nghiên cứu thường xuyên tham gia vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp.

6.7. Hỗ trợ nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu của khu vực doanh nghiệp. Tạo kênh kết nối giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để thống nhất nhu cầu về nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của doanh nghiệp. Thiết lập cơ chế khuyến khích doanh nghiệp thuộc nhóm ngành kỹ thuật và công nghệ tiếp nhận các sinh viên thực tập từ khu vực đại học, cao đẳng trên địa bàn. Đa dạng hóa các hình thức và tài liệu đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp thông qua công nghệ số, mạng xã hội, các kênh truyền thông. Nghiên cứu ban hành sổ tay hướng dẫn về quản trị công nghệ và tổ chức các chương trình đào tạo cho các doanh nghiệp.

6.8. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các chương trình đào tạo cho nhân lực quản trị công nghệ và quản lý cho doanh nghiệp ở các trình độ, cấp độ khác nhau. Đưa đào tạo kiến thức về quản lý và kinh tế, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất vào các chương trình đào tạo cao đẳng, đào tạo nghề và đại học trên địa bàn.

## **7. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số**

### *7.1. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hệ thống chính trị*

a) Rà soát, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số toàn diện cho các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030. Tích cực triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số. Cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Bắc Ninh và điều chỉnh các hệ thống thông tin phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Triển khai có hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC). Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao, hỗ trợ ra quyết định dựa trên cơ sở dữ liệu và phân tích khoa học trong hoạt động quản lý nhà nước.

b) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, nâng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cắt giảm đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân. Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực; ứng dụng AI phân tích dữ liệu để dự báo, cảnh báo sớm tình trạng hồ sơ quá hạn, chậm tiến độ; hình thành bảng xếp hạng (dashboard) đánh giá hiệu suất công việc của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển công dân số toàn diện giai đoạn 2026 - 2030. Phân đầu mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số. Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số bảo đảm an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

d) Xây dựng Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh; Bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, môi trường số. Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Bắc Ninh trên môi trường số. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số.

đ) Xây dựng và triển khai Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo. Triển khai Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

e) Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng. Triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh. Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị.

g) Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

h) Triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số đảm bảo kết nối với Đề án số 06 của Chính phủ theo tiến độ đề ra.

## *7.2. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong doanh nghiệp*

a) Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.

b) Xây dựng các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh.

c) Triển khai áp dụng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

d) Thu hút, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trên địa bàn tỉnh để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng. Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bắc Ninh theo nguyên tắc: Sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh Bắc Ninh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại tỉnh và các địa phương khác; có đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Bắc Ninh với tỷ lệ 01% - 03% doanh thu.

đ) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ chủ lực của tỉnh trên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số. Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt, thương mại điện tử.

*7.3. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030 đã ban hành.*

*7.4. Xây dựng và triển khai có kết quả cụ thể Đề án phát triển kinh tế tầm thấp trên địa bàn tỉnh năm 2026. Quy hoạch, thu hút đầu tư dự án sản xuất, thử nghiệm UAV trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Quy hoạch 2-3 khu công nghiệp công nghệ số.*

## **8. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin**

8.1. Xây dựng, nâng cấp, vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) bảo đảm việc kết nối, an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin trọng yếu, quan trọng của tỉnh. Triển khai Đề án phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu.

8.2. Triển khai Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng; Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về bảo đảm an toàn, an ninh mạng; Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng. Hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng. Tăng cường giám sát, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn

công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng. Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, diễn tập, tập huấn về an toàn thông tin. Triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng. Ban hành Quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.

### **9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết**

9.1. Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

9.2. Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại tỉnh, tập trung thu hút đầu tư vào các nhiệm vụ, dự án trọng điểm.

9.3. Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực gắn với quảng bá đổi mới sáng tạo tỉnh để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

9.4. Nghiên cứu tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

9.5. Kết nối hiệu quả với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học quê hương Bắc Ninh.

9.6. Học tập kinh nghiệm quốc tế và trong nước, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện, tiềm năng, định hướng phát triển của tỉnh, nhất là lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng và các công nghệ chiến lược khác.

10. Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ được giao tại Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

*(Chi tiết các nhiệm vụ theo Phụ lục II kèm theo)*

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện, bảo đảm bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, tinh thần “6 rõ”; **hoàn thành trước ngày 13/02/2026** và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi, báo cáo UBND tỉnh.

2. Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo phân

công; tăng cường kiểm tra, đôn đốc trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện (hàng tháng trước ngày 20 hàng tháng, hàng quý trước ngày 15 tháng cuối quý, hàng năm trước ngày 20/11) gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy.

4. Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ, phân công và quy định phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

5. Đề nghị các cơ quan: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, Tỉnh đoàn thanh niên, Thống kê tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 12, Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung và chỉ tiêu được giao trong Kế hoạch này. Phối hợp báo cáo kết quả định kỳ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh theo tinh thần tại mục 2, phần V nêu trên.

6. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và hiệu quả Kế hoạch này; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Tỉnh ủy, HĐND, UBND để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- VPCP (b/c);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Báo và PT, TH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, KGVX;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Sơn**

**Phụ lục I**  
**MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN**  
**NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH NĂM 2026**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)*

| TT       | Chỉ tiêu cụ thể   | Đơn vị tính     | Cơ quan chủ trì          | Mục tiêu năm 2026                                | Mục tiêu hết năm 2030 | Ghi chú          |
|----------|---|-----------------|--------------------------|--|-----------------------|------------------|
| <b>A</b> | <b>Phát triển hạ tầng</b>   |                 |                          |  |                       |                  |
| 1        | Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn  | % dân số        | Sở Khoa học và Công nghệ | 100%   | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU |
| 2        | Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps.                 | % người sử dụng | Sở Khoa học và Công nghệ | 70%  | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU |
| <b>B</b> | <b>Phát triển nguồn lực</b>   |                 |                          |  |                       |                  |
| 3        | Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo/ tổng chi ngân sách    | % ngân sách     | Sở Tài chính             | ≥1,1% và không thấp hơn chỉ tiêu Trung ương giao | ≥ 1,5%                | KH07-TU, KH13-TU |
| 4        | Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/GRDP                           | % GRDP          | Sở Tài chính             | ≥ 2%   | ≥ 3%                  | KH07-TU, KH13-TU |
| 5        | Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.                           | %               | Sở Nội vụ                | 100%   | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU |
| 6        | Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản                                  | %               | Sở Nội vụ                | 100%   | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU |
| 7        | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. | %               | Sở Khoa học và Công nghệ | 100%   | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU |
| 8        | Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.           | %               | Sở Khoa học và Công nghệ | ≥ 90%  | ≥ 90%                 | KH07-TU, KH13-TU |

| TT       | Chỉ tiêu cụ thể  | Đơn vị tính  | Cơ quan chủ trì           | Mục tiêu năm 2026         | Mục tiêu hết năm 2030 | Ghi chú            |
|----------|--|--------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------|
| <b>C</b> | <b><i>Phát triển khoa học, công nghệ</i></b>   |              |                           |                           |                       |                    |
| 9        | Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.                                  | Doanh nghiệp | Sở Khoa học và Công nghệ  | $\geq 40$                 | $\geq 70$             | KH07-TU, KH13-TU   |
| 10       | Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh                            | Tổ chức      | Sở Khoa học và Công nghệ  | $\geq 5$                  | $\geq 6$              | KH07-TU, KH13-TU   |
| 11       | Số công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu mỗi năm                 | Công trình   | Sở Khoa học và Công nghệ  | $\geq 15$                 | $\geq 40$             | KH07-TU, KH13-TU   |
| 12       | Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm                        | Nhiệm vụ     | Sở Khoa học và Công nghệ  | $\geq 30$                 | $\geq 50$             | KH07-TU, KH13-TU   |
| 13       | Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu. | %            | Sở Khoa học và Công nghệ  | $\geq 45\%$               | $\geq 60\%$           | KH07-TU, KH13-TU   |
| 14       | Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) mỗi năm                  | Đơn đăng ký  | Sở Khoa học và Công nghệ  | $\geq 20$                 | $\geq 40$             | KH07-TU, KH13-TU   |
| 15       | Số bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) mỗi năm                 | Bài báo      | Sở Khoa học và Công nghệ  | $\geq 70$                 | $\geq 150$            | KH07-TU, KH13-TU   |
| 16       | Số công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực mỗi năm         | Công trình   | Sở Khoa học và Công nghệ  | Phấn đấu có 01 công trình | $\geq 3$              | KH07-TU, KH13-TU   |
| 17       | Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình (%/năm)                            | %            | Sở Khoa học và Công nghệ  | $\geq 3\%$                | $\geq 10\%$           | NQ71-CP, KH17-UBND |
| 18       | Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế          | %            | Sở Tài Chính <sup>4</sup> | 48                        | $\geq 55\%$           | NQ71-CP, KH17-UBND |
| 19       | Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu       | %            | Sở Khoa học và Công nghệ  | 30%                       | $\geq 50\%$           | NQ71-CP, KH17-UBND |

<sup>4</sup> Nghị quyết số 71/NQ-CP giao Bộ Tài chính chủ trì

| TT       | Chỉ tiêu cụ thể   | Đơn vị tính         | Cơ quan chủ trì          | Mục tiêu năm 2026 | Mục tiêu hết năm 2030 | Ghi chú               |
|----------|---|---------------------|--------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>D</b> | <b><i>Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo</i></b>                                  |                     |                          |                   |                       |                       |
| 20       | Xếp hạng PII các địa phương trong cả nước   | Thứ bậc             | Sở Khoa học và Công nghệ | Top 10            | Top 10                | KH17/KH-UBND, KH13-TU |
| 21       | Số vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.   | Vườn ươm/trung tâm  | Sở Khoa học và Công nghệ | $\geq 1$          | $\geq 7$              | KH07-TU, KH13-TU      |
| 22       | Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo  | %                   | Sở Khoa học và Công nghệ | $\geq 10\%$       | $\geq 40\%$           | NQ71-CP, KH17-UBND    |
| 23       | Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm                         | Dự án               | Sở Khoa học và Công nghệ | $\geq 15$         | $\geq 30$             | KH07-TU, KH13-TU      |
| 24       | Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm                              | Sáng chế, giải pháp | Sở Khoa học và Công nghệ | $\geq 8$          | $\geq 20$             | KH07-TU, KH13-TU      |
| 25       | Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm                                  | Sáng kiến           | Sở Khoa học và Công nghệ | $\geq 40$         | $\geq 70$             | KH07-TU, KH13-TU      |
| 26       | Chỉ số phát triển con người (HDI)   | Giá trị             | Sở Khoa học và Công nghệ | $\geq 0.79$       | $> 0.8$               | NQ71-CP, KH17-UBND    |
| 27       | Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình mỗi năm (%/năm) | %                   | Sở Khoa học và Công nghệ | $\geq 5\%$        | 16%                   | NQ71-CP, KH17-UBND    |
| 28       | Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại               | %                   | Sở Khoa học và Công nghệ | 2%                | 8%                    | NQ71-CP, KH17-UBND    |
| <b>E</b> | <b><i>Phát triển chuyển đổi số</i></b>  |                     |                          |                   |                       |                       |
| 29       | Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh   | Điểm                | Sở Khoa học và Công nghệ | $\geq 0.725$      | $\geq 0.75$           | KH07-TU, KH13-TU      |
| 30       | Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa        | %                   | Văn phòng UBND tỉnh      | 100%              | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU      |

| TT | Chỉ tiêu cụ thể  | Đơn vị tính | Cơ quan chủ trì          | Mục tiêu năm 2026 | Mục tiêu hết năm 2030 | Ghi chú            |
|----|--|-------------|--------------------------|-------------------|-----------------------|--------------------|
|    | trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.  |             |                          |                   |                       |                    |
| 31 | Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến  | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | 100%              | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU   |
| 32 | Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.  | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | 100%              | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU   |
| 33 | Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.  | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | 100%              | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU   |
| 34 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.                        | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | 100%              | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU   |
| 35 | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.   | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | ≥ 95%             | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU   |
| 36 | Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp  | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | ≥ 80%             | ≥ 80%                 | NQ71-CP, KH17-UBND |
| 37 | Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử  | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | ≥ 90%             | ≥ 90%                 | NQ71-CP, KH17-UBND |
| 38 | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | ≥ 80%             | ≥ 80%                 | NQ71-CP, KH17-UBND |
| 39 | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công                                    | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | ≥ 80%             | ≥ 80%                 | NQ71-CP, KH17-UBND |
| 40 | Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước      | %           | Sở Khoa học và Công nghệ | 100%              | 100%                  | NQ71-CP, KH17-UBND |
| 41 | Tỷ lệ nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, quản lý,                                       | %           | Văn phòng UBND tỉnh      | 100%              | 100%                  | NQ71-CP, KH17-UBND |

| TT | Chỉ tiêu cụ thể   | Đơn vị tính | Cơ quan chủ trì                           | Mục tiêu năm 2026 | Mục tiêu hết năm 2030 | Ghi chú                   |
|----|---|-------------|---|-------------------|-----------------------|---------------------------|
|    | giám sát trên môi trường điện tử  |             |   |                   |                       |                           |
| 42 | Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt/GRDP   | Lần         | Ngân hàng Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh | Phấn đấu 27 lần   | 30                    | NQ71-CP, KH17-UBND        |
| 43 | Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.                              | %           | Sở Khoa học và Công nghệ                  | 100%              | 100%                  | KH07-TU, KH13-TU          |
| 44 | Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.   | %           | Sở Khoa học và Công nghệ                  | ≥ 60%             | ≥ 80%                 | KH07-TU, KH13-TU          |
| 45 | Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).               | %           | Sở Khoa học và Công nghệ                  | ≥ 85%             | ≥ 85%                 | KH07-TU, KH13-TU          |
| 46 | Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.   | %           | Sở Khoa học và Công nghệ                  | ≥ 60%             | ≥ 60%                 | KH07-TU, KH13-TU          |
| 47 | Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).   | %           | Công an tỉnh                              | ≥ 60%             | ≥ 80%                 | KH07-TU, KH13-TU          |
| 48 | Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số   | %           | Tỉnh Đoàn Bắc Ninh                        | ≥ 26%             | ≥ 70%                 | KH07-TU, NQ71-CP, KH13-TU |
| 49 | Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.                         | %           | Sở Khoa học và Công nghệ                  | ≥ 90%             | ≥ 90%                 | KH07-TU, KH13-TU          |
| 50 | Quy mô kinh tế số/GRDP  | % GRDP      | Sở Tài chính                              | ≥ 41%             | ≥ 45%                 | KH07-TU, NQ71-CP, KH13-TU |
| 51 | Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị | %           | Sở Khoa học và Công nghệ                  | 100%              | 100%                  | NQ71-CP, KH17-UBND        |
| 52 | Triển khai kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành                           | %           | Công an tỉnh                              | 80%               | 100%                  | NQ71-CP, KH17-UBND        |

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu cụ thể</b>   | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Cơ quan chủ trì</b>                    | <b>Mục tiêu năm 2026</b> | <b>Mục tiêu hết năm 2030</b> | <b>Ghi chú</b>     |
|-----------|--|--------------------|---|--------------------------|------------------------------|--------------------|
| 53        | Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác                       | %                  | Ngân hàng Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh | 90%                      | ≥ 95%                        | NQ71-CP, KH17-UBND |
| 54        | Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử   | %                  | Sở Y tế                                   | 95%                      | ≥ 95%                        | NQ71-CP, KH17-UBND |
| 55        | Tỷ lệ người dân được định danh số  | %                  | Công an tỉnh                              | 100%                     | 100%                         | KH13-TU            |
| 56        | Tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở theo Kế hoạch  | %                  | Sở Khoa học và Công nghệ                  | 100%                     | 100%                         | KH17-UB, KH13-TU   |
| 57        | Tỷ lệ các hệ thống thông tin phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ | %                  | Công an tỉnh                              | 100%                     | 100%                         | KH17-UB, KH13-TU   |
| 58        | Bệnh viện không giấy tờ  | %                  | Sở Y tế                                   | 100%                     | 100%                         | KH13-TU            |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026 THEO**  
**CÁC KẾ HOẠCH CỦA UBND TỈNH, NGHỊ QUYẾT SỐ 11/NQ-CP**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)*

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>  | <b>Cơ quan chủ trì</b>  | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thời hạn</b> | <b>Ghi chú</b>  |
|-----------|--|---|---------------------------|-----------------|---|
| <b>I</b>  | <b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo</b>  |   |                           |                 |   |
| 1         | Tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chương trình đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh   | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, địa phương | 31/3/2026       | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 2         | Các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục tăng cường tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện và nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW, các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xác định rõ trách nhiệm và chủ động triển khai thực hiện. | Các sở, ngành, địa phương   |                           | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 3         | Thành lập Hội đồng tư vấn phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.  | Sở Khoa học và Công nghệ  |                           | 31/3/2026       | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 4         | Phát huy vai trò và triển khai hiệu quả các hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06; cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo.  | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Công an tỉnh theo chức năng, | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU   |

| TT        | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn     | Ghi chú                 |
|-----------|---|---|---------------------------|--------------|-------------------------|
|           |   | nhiệm vụ  |                           |              |                         |
| 5         | Từng bước xem xét bố trí cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.  | Sở Nội vụ   | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU       |
| 6         | Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này   | Sở Nội vụ   | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU       |
| <b>II</b> | <b>Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong hành động</b>   |   |                           |              |                         |
| 1         | Thường xuyên tuyên truyền về nội dung chỉ đạo, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Duy trì các chuyên trang, chuyên mục, chương trình về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông của tỉnh. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên nền tảng số của cơ quan báo chí địa phương và của các ngành; tăng cường tổ chức triển lãm, trưng bày chuyên đề; biên soạn, phát hành các tài liệu tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng loại hình đối tượng. | Báo và Phát thanh, truyền hình; Công Thông tin điện tử tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo chức năng, nhiệm vụ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên |                         |
| 2         | Xây dựng các chương trình chuyên biệt tuyên truyền về   | Báo và Phát   |                           | 15/12/2026   | Chương trình 21/CTr-BCĐ |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>  | <b>Cơ quan chủ trì</b>                  | <b>Cơ quan phối hợp</b>     | <b>Thời hạn</b> | <b>Ghi chú</b>  |
|-----------|--|---|-----------------------------|-----------------|---|
|           | khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội   | thanh, truyền hình Bắc Ninh             |                             |                 | của BCD của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57                         |
| 3         | Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cao chất lượng nội dung, hình thức các ấn phẩm báo chí.  | Báo và Phát thanh, truyền hình Bắc Ninh |                             | 15/12/2026      | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCD của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 4         | Khuyến khích các tác giả người Bắc Ninh gửi bài báo khoa học (Scopus/ISI) để đăng tải trên các sản phẩm báo chí của địa phương.  | Sở Khoa học và Công nghệ                | Liên hiệp các hội KTKT tỉnh | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 5         | Tiếp tục triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phong trào “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số”.  | Các sở, ngành, địa phương               |                             | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 6         | Phối hợp chặt chẽ với mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo cho hội viên, đoàn viên và Nhân dân.                    | Các sở, ngành, địa phương               |                             | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 7         | Tổ chức các hội nghị chuyên đề của UBND tỉnh để nghiên cứu, thảo luận, thống nhất những vấn đề khó, phức tạp, mới phát sinh; trong đó, tập trung vào các chủ đề: Công nghệ chiến lược; trí tuệ nhân tạo; công nghiệp bán | Sở Khoa học và Công nghệ                |                             | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU   |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn     | Ghi chú                    |
|----|--|---------------------------------|---------------------------|--------------|----------------------------|
|    | dẫn; dữ liệu và chuyển đổi số quốc gia.  |                                 |                           |              |                            |
| 8  | Triển khai có hiệu quả phong trào thi đua “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”. Mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn. | Sở Nội vụ                       | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU          |
| 9  | Ban hành Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số.   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |                           | 15/12/2026   | Kế hoạch 13-KH/TU          |
| 10 | Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU          |
| 11 | Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác  | Các Sở, ban, ngành, địa phương  | Sở Khoa học và Công nghệ  | Thường xuyên | KH 17/KH-UBND, NQ 11/NQ-CP |

| TT         | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp   | Thời hạn   | Ghi chú   |
|------------|--|--------------------------|--|--|---|
|            | hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị  |                          |  |  |   |
| <b>III</b> | <b>Hoàn thiện cơ chế, chính sách địa phương và huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực</b>   |                          |  |  |   |
| 1          | Rà soát, bổ sung, cập nhật đầy đủ không gian phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo các chương trình, kế hoạch của tỉnh đã ban hành trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch đô thị tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Bắc Ninh, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, thuận lợi trong thực hiện. Trong đó, sớm rà soát, bổ sung, cập nhật các không gian để phát triển theo Luật Công nghiệp công nghệ số, Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn; không gian để phát triển kinh tế tầm thấp; không gian phát triển hạ tầng viễn thông 5G, 6G, IoT phục vụ sản xuất thông minh, đô thị thông minh, trạm BTS kiên cố phục vụ phòng chống thiên tai,... | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính,<br>Sở Xây dựng,<br>Sở Nông nghiệp và Môi trường,<br>Ban Quản lý các KCN tỉnh,<br>UBND cấp xã | Năm 2026<br>(cụ thể theo yêu cầu rà soát quy hoạch của tỉnh) | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 2          | Quy hoạch Khu công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao, kết hợp với trung tâm nghiên cứu, sản xuất thiết bị, máy móc công nghệ cao phục vụ nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển bền vững và hiện đại hóa ngành nông nghiệp   | Sở Xây dựng              | Sở Tài chính,<br>Sở Nông nghiệp và Môi trường,<br>Ban Quản lý các  | Năm 2026<br>(cụ thể theo yêu cầu rà soát quy hoạch của tỉnh) | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì           | Cơ quan phối hợp  | Thời hạn  | Ghi chú   |
|----|--|---------------------------|---|---|---|
|    |  |                           | KCN tỉnh, UBND cấp xã                                     |   |   |
| 3  | Rà soát, quy hoạch Khu nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ tập trung; Viện nghiên cứu khoa học, công nghệ cao cấp vùng Thủ đô  | Sở Xây dựng               | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã       | Năm 2026 (cụ thể theo yêu cầu rà soát quy hoạch của tỉnh) | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 4  | Triển khai có hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số; khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); chính sách hợp tác công tư phát triển hạ tầng số thiết yếu; chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số... theo Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công | Các sở, ngành, địa phương | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan liên quan | Thường xuyên  | Kế hoạch 13-KH/TU   |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì</b>  | <b>Cơ quan phối hợp</b>                                | <b>Thời hạn</b> | <b>Ghi chú</b>  |
|-----------|---|---|--|-----------------|---|
|           | nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.   |   |  |                 |   |
| 5         | Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Bắc Ninh.                       | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, địa phương                              | 15/12/2026      | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 6         | Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế - kỹ thuật và có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả.   | Sở Khoa học và Công nghệ  | Sở Tài chính, cơ quan liên quan                        | 15/12/2026      | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 7         | Xây dựng danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ | Các sở, ngành, địa phương                              | 15/12/2026      | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 8         | Nghiên cứu hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm địa phương theo quy định của pháp luật.   | Sở Khoa học và Công nghệ  | Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, cơ quan liên quan | 15/12/2026      | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 9         | Nghiên cứu hình thành Quỹ phát triển khoa học, công   | Sở Khoa học và  | Sở Tài chính,  | 15/12/2026      | Kế hoạch 13-KH/TU   |

| TT        | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                         | Thời hạn  | Ghi chú   |
|-----------|---|--------------------------|--|---|---|
|           | nghệ và đổi mới sáng tạo ở tỉnh theo quy định của pháp luật.  | Công nghệ                | Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, cơ quan liên quan |   |   |
| 10        | Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là đơn giản hóa thủ tục hành chính, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).        | Sở Tài chính             | Các sở, ngành, địa phương                | Thường xuyên  | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 11        | Rà soát, nâng cao kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. | Văn phòng UBND tỉnh      | Các sở, ngành, địa phương                | 15/12/2026  | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 12        | Triển khai, theo dõi, đôn đốc triển khai Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.                      | Sở Tư pháp               | Các sở, ngành, địa phương                | 15/12/2026  | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| <b>IV</b> | <b>Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số</b>  |                          |  |   |   |
| 1         | Rà soát, xây dựng Phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Bắc Ninh sau sáp nhập theo hướng dẫn của Trung ương và thực tiễn địa phương, bảo đảm đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương                | Năm 2026 (cụ thể theo yêu cầu rà soát quy hoạch của tỉnh) | Kế hoạch 13-KH/TU   |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>  | <b>Cơ quan chủ trì</b>   | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thời hạn</b>   | <b>Ghi chú</b>  |
|-----------|--|--------------------------|---------------------------|---|---|
|           | thị, Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh.   |                          |                           |   |   |
| 2         | Xây dựng, phê duyệt và triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Ninh, bảo đảm phù hợp với định hướng quốc gia, quy định tại Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.  | Sở Xây dựng              | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 hoàn thành phê duyệt Đề án, năm 2028 hoàn thành triển khai Đề án | KH 13-KH/TU, CT 21/CTr-BCĐ Tỉnh ủy; Chương trình 6548/UBND-KGVX; KH 17/KH-UBND; NQ 11/NQ-CP |
| 3         | Nghiên cứu, đăng ký thí điểm triển khai bản sao số tại tỉnh Bắc Ninh khi đáp ứng đủ điều kiện theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.   | Sở Xây dựng              | Các sở, ngành, địa phương | Tháng 9/2026 (khi đủ điều kiện)   | KH 13-KH/TU, KH 17/KH-UBND, NQ 11/NQ-CP   |
| 4         | Tập trung phát triển hạ tầng số, trọng tâm là hạ tầng viễn thông 5G, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng vật lý số, hạ tầng IoT, hạ tầng tiện ích số theo kế hoạch, chiến lược đã ban hành <sup>5</sup> . Thúc đẩy chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn. Mở rộng phủ sóng băng thông rộng 5G; nâng cấp đường truyền cho các cơ quan trong hệ thống chính trị. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm dữ liệu. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên  | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 6         | Quan tâm tạo lập cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, Nghị  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành,            | Theo Kế hoạch phát  | Kế hoạch 13-KH/TU   |

<sup>5</sup> Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về triển khai hạ tầng mạng 5G và IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030; Quyết định 1777/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh về Chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hạ tầng số tỉnh Bắc Ninh;...

| TT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                             | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn                    | Ghi chú                                       |
|----|---|---|---------------------------|-----------------------------|---|
|    | quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.  | nghệ, Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ | địa phương                | triển dữ liệu 2026          |   |
| 7  | Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, đô thị,...), bảo đảm tính kết nối, liên thông; trọng tâm là Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về triển khai hạ tầng mạng 5G và IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030 | Theo Kế hoạch 86, 87/KH-UBND của UBND tỉnh  | Các sở, ngành, địa phương | Theo Kế hoạch của UBND tỉnh | Kế hoạch 13-KH/TU                             |
| 8  | Đẩy mạnh ứng dụng, triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số   | Các sở, ngành, địa phương                   | Sở Khoa học và Công nghệ  | Thường xuyên                | Kế hoạch 13-KH/TU, KH 17/KH-UBND, NQ 11/NQ-CP |
| 9  | Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống của người dân.  | Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng   | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                | Kế hoạch 13-KH/TU                             |

| TT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                     | Cơ quan phối hợp                             | Thời hạn                                  | Ghi chú  |
|----|---|-------------------------------------|--|---|--|
|    |   | theo chức năng, nhiệm vụ            |  |   |  |
| 10 | Triển khai có hiệu quả Đề án “Ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tạo bước phát triển đột phá về công nghệ, góp phần phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Ninh”.                  | Theo Đề án được UBND tỉnh phê duyệt |  | Theo Đề án được UBND tỉnh phê duyệt       | Kế hoạch 13-KH/TU  |
| 11 | Đẩy nhanh giải phóng mặt bằng triển khai dự án Khu công nghệ thông tin tập trung và Trung tâm tính toán hiệu năng cao.  | Ban Quản lý các khu công nghiệp     |  | 15/12/2026                                | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57                                  |
| 12 | Triển khai thu hút đầu tư khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ I, II (khu đô thị đại học I, II); không gian đổi mới sáng tạo theo quy hoạch đã được phê duyệt.   | Sở Tài chính                        | Các sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan | 15/12/2026                                | Nhiệm vụ Kế hoạch số 17/KH-UBND, Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 13 | Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược trên địa bàn tỉnh. | Sở Công Thương                      | Các sở, ngành, địa phương, cơ quan liên quan | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU  |
| 14 | Triển khai nền tảng số công nghệ IoT, trí tuệ nhân tạo  | Sở Nông nghiệp                      | Các sở, ngành,                               | 15/12/2026                                | Chương trình 21/CTr-BCĐ  |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>  | <b>Cơ quan chủ trì</b>           | <b>Cơ quan phối hợp</b>                | <b>Thời hạn</b> | <b>Ghi chú</b>  |
|-----------|--|----------------------------------|--|-----------------|---|
|           | (AI), mô phỏng dữ liệu Digital twin để giám sát và cảnh báo tình trạng ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh bảo đảm phù hợp với định hướng của quốc gia và Bộ Nông nghiệp và Môi trường | và Môi trường                    | địa phương                             |                 | của BCD của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57                         |
| 15        | Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc quản lý dữ liệu và khai thác thông tin ngành Thanh tra tỉnh Bắc Ninh  | Thanh tra tỉnh                   |  | 15/12/2026      | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCD của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 16        | Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác quốc phòng địa phương và phòng thủ dân sự tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh  | Bộ CHQS tỉnh                     | Các sở, ngành, địa phương              | 15/12/2026      | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCD của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 17        | Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế                       | Sở Y tế                          | Các sở, ngành, địa phương              | 15/12/2026      | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCD của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 18        | Nghiên cứu, giải pháp nâng cao hiệu quả bắn phương tiện bay không người lái, bảo vệ các mục tiêu trọng điểm về quốc phòng, an ninh tỉnh Bắc Ninh trong tình hình mới                                       | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh | Các sở, ngành, địa phương              | 15/12/2026      | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCD của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 19        | Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ,  | Công an tỉnh                     | Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, | Tháng 6/2026    | KH 17/KH-UBND; NQ 11/NQ-CP  |

| TT       | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì           | Cơ quan phối hợp   | Thời hạn      | Ghi chú  |
|----------|---|---------------------------|--|---------------|--|
|          | ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội  |                           | ngành, địa phương  |               |  |
| 20       | Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu  | Công an tỉnh              | Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương | Tháng 12/2026 | KH 17/KH-UBND; NQ 11/NQ-CP   |
| <b>V</b> | <b>Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo</b>  |                           |  |               |  |
| 1        | Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Ninh   | Sở Khoa học và Công nghệ  | Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, cơ quan liên quan   | 15/12/2026    | Kế hoạch 13-KH/TU, Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 2        | Phát huy vai trò đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo để trở thành các đầu mối hỗ trợ, hạt nhân thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại địa phương.                         | Sở Khoa học và Công nghệ  | Sở, ngành liên quan                                      | Thường xuyên  | Kế hoạch 13-KH/TU  |
| 3        | Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo. Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển đổi mới sáng tạo và thúc đẩy sự liên kết giữa người dân, doanh nghiệp với nhà khoa học để đổi mới sáng tạo trở thành một | Các sở, ngành, địa phương |  | Thường xuyên  | Kế hoạch 13-KH/TU  |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn     | Ghi chú           |
|----|--|--------------------------|---------------------------|--------------|-------------------|
|    | phong trào xã hội rộng, mang tính toàn dân; đồng thời, thúc đẩy, lan tỏa văn hóa tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, chấp nhận rủi ro một cách có kiểm soát, khuyến khích thử nghiệm cái mới; khuyến khích mọi người dám suy nghĩ khác biệt và tôn trọng sự khác biệt, dám mạo hiểm và chấp nhận thất bại. |                          |                           |              |                   |
| 4  | Duy trì tổ chức ngày hội khởi nghiệp mới sáng tạo (Techfest), cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo.   | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 5  | Tổ chức, phối hợp tổ chức hoặc tham gia chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ (Techdemo).   | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 6  | Nâng cấp sản giao dịch thông tin công nghệ; sản giao dịch ý tưởng và sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo trực tiếp và trên mạng Internet.  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 7  | Tăng cường kết nối các cá nhân có ý tưởng sáng tạo, tài sản trí tuệ được bảo hộ với nhà đầu tư và quỹ hỗ trợ để ươm tạo thành sản phẩm, dịch vụ cụ thể; tôn vinh các điển hình đổi mới sáng tạo, có những đóng góp thay đổi tư duy, phương thức quản lý, sản xuất, kinh doanh.                         | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 8  | Thúc đẩy sự phối hợp giữa các chủ thể trong hoạt động đổi mới sáng tạo thông qua   | Sở Khoa học và           | Các sở, ngành,            | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn     | Ghi chú           |
|----|--|--------------------------|---------------------------|--------------|-------------------|
|    | các chính sách như đặt hàng nhiệm vụ có tính liên kết viện, trường, doanh nghiệp, cơ chế đồng tài trợ từ quỹ nhà nước và tư nhân, trung tâm đổi mới sáng tạo làm đầu mối kết nối, chính sách chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu.  | Công nghệ                | địa phương                |              |                   |
| 9  | Tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong và ngoài tỉnh.   | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 10 | Triển khai có hiệu quả Cổng sáng kiến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng hệ thống kết nối, tiếp nhận và xử lý sáng kiến minh bạch, thông minh, bảo đảm bảo mật và quyền sở hữu trí tuệ. Ứng dụng AI, dữ liệu lớn và phân tích thông minh trong đánh giá, phân loại và gợi ý sáng kiến có tiềm năng thương mại hóa cao. Nghiên cứu hình thành hệ sinh thái sáng kiến mở, thúc đẩy kết nối giữa nhà khoa học, doanh nghiệp, cơ quan quản lý và toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia trong giai đoạn mới. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 11 | Thúc đẩy hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp, nhà khoa học, cơ sở nghiên cứu   | Sở Khoa học và Công      | Các sở, ngành,            | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |

| TT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                             | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn   | Ghi chú           |
|----|---|---|---------------------------|--|-------------------|
|    | trong hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu suất, cải tiến công nghệ, phát triển công nghệ. Nghiên cứu cơ chế đặt hàng nghiên cứu, phát triển công nghệ gắn với doanh nghiệp, trong đó Nhà nước hỗ trợ, tài trợ một phần kinh phí. Khuyến khích thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của cơ sở nghiên cứu vào trong doanh nghiệp. | nghệ, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ | địa phương                |  |                   |
| 12 | Thu hút đầu tư tư nhân cho khởi nghiệp sáng tạo. Tạo môi trường thuận lợi để khu vực tư nhân trở thành động lực chủ yếu của đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo.  | Sở Tài chính                                | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                                       | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 14 | Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ; cơ sở dữ liệu về công nghệ, sáng chế, chuyên gia.  | Sở Khoa học và Công nghệ                    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên (xây dựng bản đồ công nghệ xong 2026) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 15 | Hỗ trợ triển khai rộng rãi các công cụ và phương pháp quản lý, khai thác giá trị tài sản trí tuệ.   | Sở Khoa học và Công nghệ                    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                                       | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 16 | Phát triển hệ thống các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ tìm kiếm, đánh giá, định giá, môi giới, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ.  | Sở Khoa học và Công nghệ                    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                                       | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 17 | Kết nối các sản phẩm công nghệ với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ  | Sở Khoa học và Công nghệ                    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                                       | Kế hoạch 13-KH/TU |

| TT        | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                               | Thời hạn     | Ghi chú                      |
|-----------|--|--------------------------|--|--------------|------------------------------|
|           | nghệ trong và ngoài tỉnh tạo thành mạng lưới để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.  |                          |  |              |                              |
| 18        | Phát huy vai trò của các hiệp hội, hội doanh nghiệp trong tư vấn cho các doanh nghiệp về công nghệ.  | Sở Tài chính             | Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan liên quan    | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU            |
| 19        | Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa có tiềm năng trở thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ.  | Sở Tài chính             | Sở Khoa học và Công nghệ, Tỉnh đoàn thanh niên | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU            |
| 20        | Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ban, ngành; địa phương                 | Hàng năm     | KH 17/KH-UBND<br>NQ 11/NQ-CP |
| <b>VI</b> | <b>Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao</b>  |                          |  |              |                              |
| 1         | Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; Nghị quyết | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Các sở, ngành, địa phương                      | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU            |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn                     | Ghi chú           |
|----|--|------------------------|---------------------------|------------------------------|-------------------|
|    | số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 06-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch 170/KH-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |                        |                           |                              |                   |
| 2  | Xây dựng Đề án phát triển các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026                   | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 3  | Xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; thu hút đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục đại học và trung tâm đào tạo chuyên sâu về công nghệ chiến lược trên địa bàn.                                  | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026                   | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 4  | Rà soát, ban hành Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đến năm 2030.   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026                   | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 5  | Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.  | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | Theo lộ trình của Trung ương | Kế hoạch 13-KH/TU |

| TT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn                     | Ghi chú           |
|----|---|------------------------|---------------------------|------------------------------|-------------------|
| 6  | Triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân tài khoa học, công nghệ, công nghiệp công nghệ số, thu hút chuyên gia toàn cầu và người Việt Nam ở nước ngoài.   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | Theo lộ trình của Trung ương | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 7  | Tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông, đặc biệt thông qua hình thức đào tạo STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) và STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học) và đào tạo kỹ năng số ở mọi cấp học. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                 | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 8  | Tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông và các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn.   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                 | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 9  | Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số... tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm. Phát triển giáo dục ngành STEM/STEAM, tổ chức các cuộc thi STEM trong các nhà trường từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông.   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                 | Kế hoạch 13-KH/TU |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>  | <b>Cơ quan chủ trì</b> | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thời hạn</b>              | <b>Ghi chú</b>  |
|-----------|--|------------------------|---------------------------|------------------------------|---|
| 10        | Đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, học tập.   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                 | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 11        | Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục số theo quy định, phân cấp.   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | Theo lộ trình của Trung ương | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 12        | Xây dựng các chương trình khuyến khích sinh viên thực hiện đề tài khoa học, khởi nghiệp trong môi trường giáo dục, đào tạo nghề; định hướng nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh phổ thông đối với các ngành khoa học, kỹ thuật để chuẩn bị trước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                 | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 13        | Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp   | Sở Giáo dục và Đào tạo |                           | 15/12/2026                   | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 14        | Xây dựng chương trình, tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số   | Sở Nội vụ              | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026                   | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 15        | Nghiên cứu xây dựng chương trình tuyển chọn, gửi đi đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ  | Sở Nội vụ              | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                 | Kế hoạch 13-KH/TU   |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>  | <b>Cơ quan chủ trì</b>   | <b>Cơ quan phối hợp</b>     | <b>Thời hạn</b> | <b>Ghi chú</b>    |
|-----------|--|--|-----------------------------|-----------------|-------------------|
|           | cao thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm ở nước ngoài.   |  |                             |                 |                   |
| 16        | Thúc đẩy thu hút và dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên cơ sở khuyến khích chuyển dịch nhân lực hai chiều giữa khu vực công và tư.                        | Sở Nội vụ  | Các sở, ngành, địa phương   | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 17        | Khai thác có hiệu quả đội ngũ, mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học người Bắc Ninh ở trong và ngoài tỉnh tham gia đóng góp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. | Sở Khoa học và Công nghệ   | Liên hiệp các hội KHKT tỉnh | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 18        | Tạo thuận lợi cho các giảng viên, cán bộ nghiên cứu thường xuyên tham gia vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp theo thẩm quyền, quy định.                          | Sở Tài chính, hiệp hội/hội doanh nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn |                             | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 19        | Hỗ trợ nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu của khu vực doanh nghiệp.  | Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ         | Các sở, ngành, địa phương   | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 20        | Tạo kênh kết nối giữa các cơ sở đào tạo và doanh   | Sở Giáo dục và   | Các sở, ngành,              | Thường xuyên    | Kế hoạch 13-KH/TU |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp                 | Thời hạn            | Ghi chú                  |
|----|--|--|----------------------------------|---------------------|--------------------------|
|    | <p>ngành để thống nhất nhu cầu về nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của doanh nghiệp.</p>                          | <p>Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, hiệp hội/hội doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ</p>    | <p>địa phương</p>                |                     |                          |
| 21 | <p>Thiết lập cơ chế khuyến khích doanh nghiệp thuộc nhóm ngành kỹ thuật và công nghệ tiếp nhận các sinh viên thực tập từ khu vực đại học, cao đẳng trên địa bàn.</p> | <p>Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Ban Quản lý các KCN tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ</p> | <p>Các sở, ngành, địa phương</p> | <p>Thường xuyên</p> | <p>Kế hoạch 13-KH/TU</p> |
| 22 | <p>Đa dạng hóa các hình thức và tài liệu đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp thông qua công nghệ số, mạng xã hội, các kênh truyền thông.</p>                           | <p>Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng,</p>             | <p>Cơ quan liên quan</p>         | <p>Thường xuyên</p> | <p>Kế hoạch 13-KH/TU</p> |

| TT         | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì                                    | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn     | Ghi chú           |
|------------|---|--|---------------------------|--------------|-------------------|
|            |   | nhiệm vụ   |                           |              |                   |
| 24         | Nghiên cứu ban hành sổ tay hướng dẫn về quản trị công nghệ và tổ chức các chương trình đào tạo cho các doanh nghiệp.  | Sở Khoa học và Công nghệ                           | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 25         | Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các chương trình đào tạo cho nhân lực quản trị công nghệ và quản lý cho doanh nghiệp ở các trình độ, cấp độ khác nhau. | Sở Nội vụ, Sở Tài chính, hiệp hội/hội doanh nghiệp | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 26         | Đưa đào tạo kiến thức về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất vào các chương trình đào tạo cao đẳng, đào tạo nghề và đại học trên địa bàn.  | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo   | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026   | Kế hoạch 13-KH/TU |
| <b>VII</b> | <b>Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số</b>   |  |                           |              |                   |
| 1          | Rà soát, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số toàn diện cho các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030.  | Sở Khoa học và Công nghệ                           | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026   | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 2          | Cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Bắc Ninh và điều chỉnh các hệ  | Sở Khoa học và                                     | Các sở, ngành,            | 15/12/2026   | Kế hoạch 13-KH/TU |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì           | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn     | Ghi chú   |
|----|--|---------------------------|---------------------------|--------------|---|
|    | thông thông tin phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.  | Công nghệ                 | địa phương                |              |   |
| 3  | Triển khai có hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC).   | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026   | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 4  | Xây dựng Đề án Chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030  | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, địa phương | 31/3/2026    | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 5  | Xây dựng bộ công cụ đánh giá mức độ chuyển đổi số cho các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh   | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, địa phương | 31/3/2026    | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 6  | Tích cực triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số.  | Các sở, ngành, địa phương | Sở Khoa học và Công nghệ  | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 7  | Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao, hỗ trợ ra quyết định dựa trên cơ sở dữ liệu và phân tích khoa học trong hoạt động quản lý nhà nước.   | Các sở, ngành, địa phương | Sở Khoa học và Công nghệ  | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 8  | Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, nâng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cắt giảm đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính | Văn phòng UBND tỉnh       | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | KH 13-KH/TU; KH 17/KH-UBND; NQ 11/NQ-CP                             |

| TT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn     | Ghi chú  |
|----|---|--------------------------|---------------------------|--------------|--|
|    | không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân.   |                          |                           |              |  |
| 9  | Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực; ứng dụng AI phân tích dữ liệu để dự báo, cảnh báo sớm tình trạng hồ sơ quá hạn, chậm tiến độ; hình thành bảng xếp hạng (dashboard) đánh giá hiệu suất công việc của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính. | Văn phòng UBND tỉnh      | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU  |
| 11 | Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển công dân số toàn diện giai đoạn 2026 - 2030. Phân đấu mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.   | Công an tỉnh             | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026   | Kế hoạch 13-KH/TU, Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 12 | Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.   | Công an tỉnh             | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026   | Kế hoạch 13-KH/TU  |
| 13 | Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số bảo đảm an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU  |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì</b>          | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thời hạn</b>                           | <b>Ghi chú</b>    |
|-----------|---|---------------------------------|---------------------------|---|-------------------|
|           | nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.   |                                 |                           |   |                   |
| 14        | Xây dựng Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh.  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 15        | Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số.  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo kế hoạch của UBND tỉnh)  | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 16        | Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Bắc Ninh trên môi trường số. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                              | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 17        | Xây dựng và triển khai Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo.  | Sở Dân tộc, tôn giáo            | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 18        | Triển khai Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.   | Sở Dân tộc, tôn giáo            | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 19        | Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng.  | Sở Xây dựng                     | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 20        | Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả đề   | Sở Xây dựng                     | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của             | Kế hoạch 13-KH/TU |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì</b>       | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thời hạn</b>                           | <b>Ghi chú</b>    |
|-----------|---|------------------------------|---------------------------|---|-------------------|
|           | cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị.   |                              |                           | Trung ương)                               |                   |
| 21        | Triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu hệ thống giao thông thông minh theo phân cấp, quy định, thẩm quyền               | Sở Xây dựng                  | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 22        | Triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý.                      | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 24        | Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.         | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 25        | Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ an ninh, trật tự an toàn xã hội theo quy định, thẩm quyền. | Công an tỉnh                 | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 26        | Triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số đảm bảo kết nối với Đề án số 06 của Chính phủ theo tiến độ đề ra.                           | Công an tỉnh                 | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 27        | Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.                | Sở Tài chính                 | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 28        | Triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu.   | Sở Khoa học và Công nghệ     | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026 (theo lộ trình của Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 22        | Xây dựng các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực  | Sở Tài chính                 | Các sở, ngành,            | 15/12/2026                                | Kế hoạch 13-KH/TU |

| TT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp                                    | Thời hạn     | Ghi chú           |
|----|---|--|---|--------------|-------------------|
|    | khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh theo quy định, phân cấp, thẩm quyền.  |  | địa phương  |              |                   |
| 23 | Triển khai áp dụng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.   | Sở Tài chính,<br>Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ | Các sở, ngành, địa phương                           | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 24 | Thu hút, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trên địa bàn tỉnh để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng.  | Sở Tài chính   | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 25 | Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bắc Ninh theo nguyên tắc: Sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh Bắc Ninh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại tỉnh và các địa phương khác; có đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Bắc Ninh với tỷ lệ 01% - 03% doanh thu. | Sở Tài chính   | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 26 | Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm,  | Sở Công Thương   | Các sở, ngành,                                      | Năm 2026     | Kế hoạch 13-KH/TU |

| TT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp                            | Thời hạn   | Ghi chú                    |
|----|---|---|---|--|----------------------------|
|    | dịch vụ chủ lực của tỉnh trên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số.                    |   | địa phương                                  |  |                            |
| 27 | Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt, thương mại điện tử.   | Sở Công Thương, NHNN Khu vực                                    | Các sở, ngành, địa phương                   | Thường xuyên   | Kế hoạch 13-KH/TU          |
| 28 | Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030 đã ban hành. | Theo Kế hoạch 144/KH-UBND                                       | Các sở, ngành, địa phương                   | Theo Kế hoạch 144/KH-UBND                            | Kế hoạch 13-KH/TU          |
| 29 | Xây dựng và triển khai có kết quả cụ thể Đề án phát triển kinh tế tầm thấp trên địa bàn tỉnh năm 2026.  | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, địa phương                   | 15/12/2026   | Kế hoạch 13-KH/TU          |
| 30 | Quy hoạch, thu hút đầu tư dự án sản xuất, thử nghiệm UAV trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.  | Sở Tài chính, Ban Quản lý các KCN tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ | Các sở, ngành, địa phương                   | 15/12/2026 (theo lộ trình điều chỉnh Quy hoạch tỉnh) | Kế hoạch 13-KH/TU          |
| 31 | Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.       | Các Sở, ban, ngành, địa phương                                  | Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành | Thường xuyên   | KH 17/KH-UBND; NQ 11/NQ-CP |

| TT          | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn                                | Ghi chú           |
|-------------|--|-----------------|---------------------------|---|-------------------|
|             |  |                 | chính công)               |   |                   |
| <b>VIII</b> | <b>Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin</b>  |                 |                           |   |                   |
| 1           | Xây dựng, nâng cấp, vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) bảo đảm việc kết nối, an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin trọng yếu, quan trọng của tỉnh.                              | Công an tỉnh    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                            | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 2           | Triển khai Đề án phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia bảo đảm an toàn, an ninh mạng.   | Công an tỉnh    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên (theo lộ trình Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 3           | Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu.   | Công an tỉnh    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                            | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 4           | Triển khai Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng. | Công an tỉnh    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên (theo lộ trình Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 5           | Triển khai Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.  | Công an tỉnh    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên (theo lộ trình Trung ương) | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 6           | Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng.   | Công an tỉnh    | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên (theo lộ trình)            | Kế hoạch 13-KH/TU |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì</b> | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thời hạn</b>             | <b>Ghi chú</b>  |
|-----------|---|------------------------|---------------------------|-----------------------------|---|
|           |   |                        |                           | Trung ương)                 |   |
| 7         | Hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng.   | Bộ CHQS tỉnh           | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 8         | Tăng cường giám sát, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng. | Công an tỉnh           | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 9         | Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, diễn tập, tập huấn về an toàn thông tin.   | Công an tỉnh           | Các sở, ngành, địa phương | Theo kế hoạch của UBND tỉnh | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 10        | Tổ chức triển khai diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng tỉnh Bắc Ninh  | Công an tỉnh           | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026                  | Chương trình 21/CTr-BCĐ của BCĐ của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57 |
| 11        | Triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng.  | Công an tỉnh           | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 12        | Xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.  | Công an tỉnh           | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên                | Kế hoạch 13-KH/TU   |
| 13        | Ban hành Quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.  | Công an tỉnh           | Các sở, ngành, địa phương | 15/12/2026                  | Kế hoạch 13-KH/TU   |

| TT        | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn     | Ghi chú           |
|-----------|--|--|---------------------------|--------------|-------------------|
| <b>IX</b> | <b>Đẩy mạnh hợp tác, liên kết</b>  |  |                           |              |                   |
| 1         | Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.  | Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 2         | Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại tỉnh, tập trung thu hút đầu tư vào các nhiệm vụ, dự án trọng điểm.  | Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 3         | Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực gắn với quảng bá đổi mới sáng tạo tỉnh để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo. | Sở Khoa học và Công nghệ                                   | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Kế hoạch 13-KH/TU |
| 4         | Nghiên cứu tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn thường   | Sở Khoa học và   | Các sở, ngành,            | Hàng năm     | Kế hoạch 13-KH/TU |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp                       | Thời hạn                            | Ghi chú                        |
|----|--|---------------------------------|--|-------------------------------------|--------------------------------|
|    | niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp   | Công nghệ                       | địa phương                             |                                     |                                |
| 5  | Kết nối hiệu quả với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học quê hương Bắc Ninh.   | Sở Khoa học và Công nghệ        | Liên hiệp các hội KHCKT tỉnh           | Thường xuyên                        | Kế hoạch 13-KH/TU              |
| 6  | Học tập kinh nghiệm quốc tế và trong nước, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện, tiềm năng, định hướng phát triển của tỉnh, nhất là lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng và các công nghệ chiến lược khác. | Văn phòng UBND tỉnh             | Các sở, ngành, địa phương              | Theo kế hoạch đoàn ra của UBND tỉnh | Kế hoạch 13-KH/TU              |
| X  | <b>Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ được giao tại Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.</b>  |                                 |  |                                     |                                |
| 1  | Đăng ký kinh phí để triển khai thực hiện bảo đảm chủ động công việc, đúng tiến độ, tránh tồn đọng.   | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính | Thường xuyên                        | Nhiệm vụ trên theodoing.dcs.vn |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp                      | Thời hạn     | Ghi chú                        |
|----|--|---|---------------------------------------|--------------|--------------------------------|
| 2  | Chủ động báo cáo Trung ương các tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm cần thiết cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS trên Hệ thống pakn.nq57.vn.  | Sở Khoa học và Công nghệ  | Các sở, ngành, địa phương             | Thường xuyên | Nhiệm vụ trên theodoinq.dcs.vn |
| 3  | Chủ động rà soát quy trình, hạ tầng, hệ thống thông tin, dữ liệu, nhân lực, tài chính, nhất là đối với cấp xã để có phương án bảo đảm kịp thời các nguồn lực nêu trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.                                    | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ | Các sở, ngành, địa phương             | Thường xuyên | Nhiệm vụ trên theodoinq.dcs.vn |
| 4  | Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ cấp xã, ưu tiên ứng dụng các phương pháp đào tạo thuận tiện, hiệu quả, mọi nơi mọi lúc.   | Sở Nội vụ   | Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã | Thường xuyên | Nhiệm vụ trên theodoinq.dcs.vn |
| 5  | Chủ động rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế, chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CDS. Trong đó, bảo đảm các quy | Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính   | Các sở, ngành, địa phương             | Thường xuyên | Nhiệm vụ trên theodoinq.dcs.vn |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn     | Ghi chú                        |
|----|--|--|---------------------------|--------------|--------------------------------|
|    | định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với nền tảng số, dữ liệu để thống nhất, thông suốt  | theo chức năng, nhiệm vụ   |                           |              |                                |
| 6  | Chủ động rà soát, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyên đổi số và an toàn thông tin; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn triển khai 100% trên Nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, giảm chi phí, đồng thời tạo thuận lợi, không làm gián đoạn công tác của người học.   | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Nhiệm vụ trên theodoing.dcs.vn |
| 7  | Chủ động rà soát và nghiêm túc triển khai thực hiện các giải pháp đột phá để phát triển KHCN, ĐMST thông qua việc tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế tài chính (trong đó trọng tâm là cơ chế Quỹ) đã được thể chế hoá trong thời gian qua. Chịu trách nhiệm về việc chậm hoặc không triển khai việc thực hiện quản lý tài chính theo cơ chế Quỹ, dẫn đến làm giảm hiệu quả trong hoạt động KHCN, ĐMST tại các lĩnh vực do bộ, ngành, địa phương quản lý. | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, cơ quan liên quan                  | Các sở, ngành, địa phương | Thường xuyên | Nhiệm vụ trên theodoing.dcs.vn |
| 8  | Chủ động rà soát nâng cấp đường truyền mạng, bảo   | Sở Khoa học và   | Các sở, ngành,            | 30/06/2026   | Nhiệm vụ trên theodoing.dcs.vn |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì</b>                                      | <b>Cơ quan phối hợp</b>                | <b>Thời hạn</b> | <b>Ghi chú</b>                 |
|-----------|---|---|--|-----------------|--------------------------------|
|           | đảm ổn định, các cơ quan, đơn vị, địa phương đặc biệt tại các địa bàn vùng sâu trên địa bàn tỉnh  | Công nghệ   | địa phương                             |                 |                                |
| 9         | Chủ động rà soát bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp.   | Các cơ quan, đơn vị, địa phương                             | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính | 30/06/2026      | Nhiệm vụ trên theodoinq.dcs.vn |
| 10        | Chủ động rà soát khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin.  | Sở Khoa học và Công nghệ                                    | Các sở, ngành, địa phương              | 30/06/2026      | Nhiệm vụ trên theodoinq.dcs.vn |
| 11        | Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của 4 khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc. | Sở Khoa học và Công nghệ                                    | Các sở, ngành, địa phương              | 30/06/2026      | Nhiệm vụ trên theodoinq.dcs.vn |
| 12        | Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT tại xã, phường phù hợp.   | Sở Nội vụ, UBND cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền | Cơ quan liên quan                      | 30/06/2026      | Nhiệm vụ trên theodoinq.dcs.vn |
| 13        | Tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng.  | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, UBND cấp xã            |  | 30/06/2026      | Nhiệm vụ trên theodoinq.dcs.vn |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp          | Thời hạn                       | Ghi chú                        |
|----|--|---|---------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| 14 | Khẩn trương rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng.                        | Sở Khoa học và Công nghệ (phần mềm dùng chung);<br>sở, ngành, địa phương (phần mềm đặc thù) | Cơ quan liên quan         | 31/03/2026                     | Nhiệm vụ trên theodoing.dcs.vn |
| 15 | Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia phát triển, nhất là các lĩnh vực: trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử... | Văn phòng UBND tỉnh   | Các sở, ngành, địa phương | Theo kế hoạch đoàn ra của tỉnh | Nhiệm vụ trên theodoing.dcs.vn |